

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO
GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CHÍNH PHỦ
Đối với Hồ sơ dự án Luật Phá sản (sửa đổi)

Kính trình: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao xin báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Chính phủ đối với Hồ sơ dự án Luật Phá sản (sửa đổi), cụ thể như sau:

I. Về dự thảo Luật

1. Về phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1)

Chính phủ đề nghị nghiên cứu, hoàn thiện Điều 1 dự thảo Luật đảm bảo phạm vi điều chỉnh tương thích với tên và nội dung; cân nhắc điều chỉnh tên của luật cho phù hợp.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu theo hướng bỏ các quy định về Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản, đổi tên Luật thành Luật Phục hồi, phá sản.

2. Về giải thích từ ngữ “Chi phí phục hồi, phá sản” (khoản 14 Điều 5)

Chính phủ đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 14 Điều 5 dự thảo Luật quy định về các chi phí trong quá trình thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản, cụ thể như sau: “*Chi phí phục hồi, phá sản là khoản tiền phải chi trả cho việc giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản, bao gồm chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chi phí kiểm toán và các chi phí cần thiết, hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện thủ tục phục hồi, phá sản, thi hành án*”.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy khoản 14 Điều 5 dự thảo Luật quy định “*các chi phí cần thiết, hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện thủ tục phục hồi, phá sản*” là đã bao gồm cả chi phí về thi hành án.

3. Về thẩm quyền của Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản (Điều 6)

Chính phủ đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản tại Điều 62 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 thay vì quy định bổ sung tại Điều 6 dự thảo Luật làm dẫn đến việc một vấn đề được quy định rải rác tại nhiều văn bản luật.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu theo hướng bỏ quy định về Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản tại Điều 6 dự thảo Luật.

4. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán (Điều 7)

Chính phủ đề nghị khoản 6 Điều 7 dự thảo Luật cần được hoàn thiện theo hướng Thẩm phán có thẩm quyền “*Giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi giải quyết phá sản tại Tòa án*” để tránh sự chồng chéo về chức năng giữa các cơ quan.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy cơ quan thi hành án dân sự có nhiệm vụ giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản, Tòa án có nhiệm vụ giám sát chung nên không dẫn đến chồng chéo về chức năng giữa Tòa án và cơ quan thi hành án dân sự.

5. Về cá nhân, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (Điều 9)

Chính phủ đề nghị bổ sung quy định “*Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chuẩn Quản tài viên; điều kiện hành nghề; cấp chứng chỉ hành nghề, thu hồi chứng chỉ hành nghề; những trường hợp không được hành nghề...*” tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật.

6. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Điều 10)

- Chính phủ đề nghị cần nhắc về việc giao nhiệm vụ “*Báo cáo tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã*” cho Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại điểm k khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật quy định “*doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập báo cáo về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản...*” trên cơ sở báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Thẩm phán về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Chính phủ đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ hoặc giao cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể về nội hàm “*tối ưu hóa giá trị tài sản của doanh nghiệp...*” tại điểm c khoản 2 Điều 10 dự thảo Luật để việc thực thi pháp luật được đồng bộ, thống nhất.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

7. Về chỉ định, từ chối, thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Điều 11)

Chính phủ đề nghị bổ sung nội dung “*Quản tài viên là người thân thích của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản*” tại điểm b khoản 2 Điều 11 dự thảo Luật để đảm bảo tính đầy đủ của việc xác định chủ thể có liên quan đến thủ tục phục hồi, phá sản.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 dự thảo Luật thì Quản tài viên phải từ chối tham gia hoặc bị thay đổi nếu là người thân thích của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã mà không phụ thuộc vào doanh nghiệp, hợp tác xã có đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản hay doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản.

8. Về thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản của cơ quan thi hành án dân sự (Điều 12)

- Chính phủ đề nghị nghiên cứu phân định rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự và Quản tài viên trong thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo 1 trong 2 phương án:

Phương án 1: Chấp hành viên sẽ thực hiện thi hành khoản thu hồi nợ và xử lý tài sản đối với tài sản cầm cố, thế chấp; Quản tài viên thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp (hiện dự thảo đang theo phương án này) và quy định rõ Quản tài viên sẽ phải chịu trách nhiệm toàn bộ quá trình thanh lý tài sản. Không giao cơ quan thi hành án dân sự hỗ trợ xử lý thanh lý tài sản.

Phương án 2: Giao cho cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành toàn bộ quyết định tuyên bố phá sản kể từ ngày Tòa án ra quyết định (không có sự tham gia của Quản tài viên từ thời điểm này trở đi).

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy, đối với việc thi hành các khoản thu hồi nợ, trong trường hợp cần cưỡng chế thì cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành là phù hợp, việc thanh lý các tài sản còn lại của doanh nghiệp sẽ được giao cho Quản tài viên. Tài sản mà Quản tài viên không thể thanh lý được thì sẽ giao cơ quan thi hành án dân sự hỗ trợ xử lý. Các biện pháp để hỗ trợ xử lý cụ thể sẽ được giao Chính phủ quy định. Nếu quy định giao cho cơ quan thi hành án tổ chức thi hành toàn bộ quyết định tuyên bố phá sản thì sẽ không thu hút được Quản tài viên tham gia vụ việc phá sản.

- Chính phủ đề nghị chỉnh lý khoản 2 Điều 12 như sau: “*Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện việc thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã*”.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

9. Về trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan vụ việc phục hồi, phá sản (Điều 15)

Chính phủ đề nghị chỉnh lý khoản 3 Điều 15 dự thảo Luật như sau: “*Kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nghiêm cấm ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản*

mở tài khoản thực hiện việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp...” để đảm bảo tính khả thi trong quy định.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

10. Về chi phí phục hồi, phá sản, tạm ứng chi phí phục hồi phá sản (Điều 20)

Chính phủ đề nghị rà soát để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật phí và lệ phí. Việc dự thảo Luật quy định Chính phủ quy định việc dùng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã vào việc tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản là chưa phù hợp với quy định tại Luật Phí và lệ phí.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu quy định theo hướng ngân sách Nhà nước bảo đảm.

11. Về gửi thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (Điều 25)

Chính phủ đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 25 dự thảo Luật quy định về thời gian Tòa án gửi thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, đồng thời, bổ sung cơ quan thi hành án dân sự là đối tượng được thông báo vì Điều 34 dự thảo Luật quy định cơ quan thi hành án dân sự phải thực hiện tạm đình chỉ thi hành án khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi.

Về bổ sung quy định về thời hạn gửi thông báo, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 6 Điều 25 dự thảo Luật.

Về bổ sung cơ quan thi hành án dân sự là đối tượng được thông báo, dự thảo Luật quy định thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan là đã bao gồm cơ quan thi hành án dân sự. Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu nội dung này khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

12. Về quy định quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao

Chính phủ đề nghị bổ sung phương thức Quyết định của Chánh án Tòa án cần được gửi cho cơ quan thi hành án dân sự để đảm bảo tính khả thi.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu theo hướng bỏ quy định về việc Thẩm phán ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi.

13. Về tạm đình chỉ thi hành án dân sự (Điều 27, 40)

- Chính phủ đề nghị sửa tên gọi Điều 27 dự thảo Luật thành “tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án khi doanh nghiệp, hợp tác xã mở thủ tục phục hồi” để bao hàm nội dung được thể hiện trong điều này.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy nội dung Điều 27 dự thảo Luật chỉ quy định về việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi mà không quy định về việc đình chỉ thi hành án dân sự.

- Chính phủ đề nghị sửa khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật thành “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, cơ quan thi hành án dân sự phải tạm đình chỉ thi hành án dân sự...”, “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý phá sản...” vì cơ quan thi hành án dân sự chỉ có thể ra quyết định tạm đình chỉ khi nhận được quyết định của Tòa án.

Về khoản 1 Điều 27, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy, thông báo của Tòa án về việc thụ lý yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nên cơ quan thi hành án dân sự dễ dàng biết được thông báo của Tòa án, trên cơ sở đó đề ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án dân sự.

Về khoản 1 Điều 40, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

- Chính phủ đề nghị chỉnh lý điểm a khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm c khoản 1 Điều 27, điểm c khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật thành “*Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định buộc doanh nghiệp, hợp tác xã bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự hoặc trả lương cho người lao động*”, “*Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định buộc doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba*”; mở rộng phạm vi ngoài “trả lương” thì các khoản khác cũng cần được áp dụng như khoản Bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc, thất nghiệp, các khoản khác tương tự như lương.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng bản án, quyết định nêu trên là đã bao gồm cả phần bản án, quyết định. Phạm vi bản án, quyết định trả lương cho người lao động không bị tạm đình chỉ (không áp dụng đối với các khoản bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc, thất nghiệp...) là nhằm ưu tiên đảm bảo nhu cầu sống cơ bản của người lao động.

- Chính phủ đề nghị làm rõ “*Quyết định kê biên tài sản*” tại điểm b khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật là Quyết định kê biên mà Tòa án đã tuyên trong bản án hay “*Quyết định kê biên tài sản*” do Cơ quan thi hành án dân sự đã ban hành khi tổ chức thi hành án. Trường hợp nếu “*Quyết định kê biên tài sản*” này là Quyết định kê biên đã được tuyên trong bản án thì các trường hợp bản án tuyên như “*tiếp tục duy trì lệnh kê biên của cơ quan Điều tra*”; “*tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản, tài sản; cấm chuyển dịch, chuyển nhượng tài sản để đảm bảo thi hành án*”... có thuộc trường hợp được áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật hay không?

- Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng quyết định kê biên tài sản tại điểm b khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật là quyết định kê biên của Tòa án và phải là quyết định kê biên tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để sung công quỹ nhà nước. Trường hợp bản án tuyên “*tiếp tục duy trì lệnh kê biên của cơ quan Điều tra*”; “*tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản, tài sản; cấm chuyển dịch, chuyển nhượng tài sản để*

đảm bảo thi hành án” mà không nhằm sung công quỹ nhà nước thì không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật.

- Chính phủ đề nghị xem xét xử lý đối với trường hợp cùng một vụ việc nhưng có nhiều tài sản bảo đảm và để đảm bảo chung cho một nghĩa vụ (không phân chia), trong đó có cả tài sản của người thứ ba và cả tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã thì phương án xử lý như thế nào, cơ quan thi hành án dân sự sẽ tạm đình chỉ một phần hay tạm đình chỉ toàn bộ việc thi hành án?

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 27, điểm c khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật là tạm đình chỉ thi hành đối với tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã, không tạm đình chỉ thi hành đối với tài sản bảo đảm của bên thứ ba. Do đó, cơ quan thi hành án dân sự căn cứ từng trường hợp cụ thể để ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án đối với phần tài sản bảo đảm của bên thứ ba.

- Chính phủ đề nghị bổ sung điểm d vào khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật như sau: *“d) Bản án, quyết định liên quan đến tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đang sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã đó hoặc nghĩa vụ của bên thứ ba”*.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý theo hướng bổ sung điểm d *“Trường hợp khác theo quy định của luật”*.

- Chính phủ đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 27 dự thảo Luật như sau: *“Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại điểm khoản... Điều.... của Luật này (trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán) thì cơ quan thi hành án dân sự quyết định tiếp tục thi hành án. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại khoản ... Điều.... của Luật này (trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán) thì cơ quan thi hành án dân sự quyết định đình chỉ thi hành án và sao gửi hồ sơ cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản”*.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 3 và khoản 4 Điều 27 dự thảo Luật.

- Chính phủ cho rằng quy định tại khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật có thể làm chậm tiến độ giải quyết khoản nợ quá hạn của các tổ chức tín dụng trong quá trình khởi kiện, yêu cầu thi hành án hoặc khi tổ chức tín dụng thực hiện biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng quy định tại khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã có khả năng phục hồi có cơ hội được sử dụng tài sản bảo đảm để tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, thoát khỏi tình trạng phá sản, đảm bảo quyền, lợi ích cho các đối tượng yếu thế là người lao động trong vụ việc phá sản.

14. Về việc ưu tiên thanh toán khoản nợ có bảo đảm (Điều 28, Điều 45)

- Chính phủ đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định theo hướng tăng cường bảo vệ quyền của các chủ nợ có bảo đảm bằng tài sản đối với các khoản nợ phát sinh nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã tại điểm c khoản 5 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 48 dự thảo Luật (có sự phân tách giữa khoản nợ có bảo đảm và khoản nợ không có bảo đảm, cơ chế ưu tiên thanh toán xử lý đối với chủ nợ có bảo đảm).

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng khi doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng thủ tục phục hồi là đang trong tình trạng có nguy cơ mất khả năng thanh toán, nếu ưu tiên thanh toán đối với các khoản nợ có bảo đảm phát sinh nhằm mục đích phục hồi thì các chủ nợ khác cũng sẽ yêu cầu phải có tài sản bảo đảm, như vậy sẽ gây khó cho doanh nghiệp khi tiến hành phục hồi và không đạt được mục đích của việc phục hồi.

- Chính phủ đề nghị không quy định chi phí phục hồi được ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác quy định tại khoản 5 Điều 29 dự thảo Luật vì chi phí phục hồi là chi phí mới được quy định tại dự thảo Luật, có giá trị lớn, khó xác định và có thể ảnh hưởng đến quyền của các chủ nợ có bảo đảm khác.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng chi phí phục hồi là chi phí được xác định theo quy định của Luật này. Chi phí phục hồi phải được ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác thì mới thu hút được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tham gia tiến hành thủ tục phục hồi và tiến hành được các hoạt động nhằm đưa doanh nghiệp, hợp tác xã thoát khỏi tình trạng nguy cơ hoặc mất khả năng thanh toán.

15. Về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phục hồi (Điều 30)

- Chính phủ đề nghị rà soát lại quy định về việc doanh nghiệp, hợp tác xã được quyền khoan tiền thuế nợ, tạm dừng thanh toán các khoản nợ, tạm dừng trả lãi để đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi các chủ thể.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng việc quy định những quyền nêu trên cho doanh nghiệp, hợp tác xã khi Tòa án thụ lý yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi là chính sách nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã có cơ hội phục hồi thành công.

- Chính phủ cho rằng quy định tại khoản 4 Điều 31 chưa thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật về phạm vi các giao dịch thanh toán không được thực hiện.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý.

- Chính phủ đề nghị chỉnh lý khoản 5 Điều 31 như sau: *“Kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phục hồi, các khoản nợ được tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận nhưng được tạm dừng việc trả lãi, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này”*.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

16. Về giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu (Điều 32)

Chính phủ đề nghị cân nhắc, chỉnh lý quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật theo hướng “Hoạt động liên quan đến việc vay, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản, dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hoặc đưa tài sản vào giao dịch khác” để bao quát đầy đủ hơn các trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đưa tài sản vào giao dịch hoặc sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thông qua các biện pháp bảo đảm khác như đặt cọc, ký cược, ký quỹ, thông nhất hơn với quy định tại Điều 61 dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại điểm a khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật.

17. Về Hội nghị chủ nợ (Điều 33)

Chính phủ đề nghị xây dựng khoản 6 Điều 35 dự thảo Luật theo phương án 2.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý.

18. Về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, đình chỉ thủ tục phục hồi (Điều 37)

Chính phủ đề nghị quy định rõ tại Điều 39, Điều 40 dự thảo Luật về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ phương án phục hồi/thủ tục phục hồi, trong đó đề nghị xác định doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên cơ sở đó thực hiện các trình tự, thủ tục tiếp theo.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 và khoản 3 Điều 37 dự thảo Luật.

19. Về quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (Điều 41)

Chính phủ đề nghị bổ sung quy định Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản của Tòa án cần phải được gửi cho cơ quan thi hành án dân sự và quy định rõ thời hạn Tòa án ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản phải thực hiện thông báo cho các đối tượng được thông báo.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy khoản 3 Điều 41 dự thảo Luật quy định quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan là bao gồm cơ quan thi hành án dân sự. Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu vấn đề này khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

20. Về xử lý khoản nợ có bảo đảm (Điều 44)

Chính phủ đề nghị hoàn thiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định tài sản bảo đảm được giao cho bên nhận bảo đảm xử lý theo quy định của pháp luật dân sự; chỉnh lý quy định tại khoản 3 Điều 47 dự thảo Luật theo hướng bổ sung “*bên nhận bảo đảm*” là chủ thể thực hiện xử lý tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị theo đề nghị của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

21. Về giao dịch bị coi là vô hiệu (Điều 49)

Chính phủ đề nghị làm rõ hơn quy định tại Điều 49 dự thảo Luật, theo đó các giao dịch này vô hiệu thuộc diện nào theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy các giao dịch quy định tại Điều 49 dự thảo Luật ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phục hồi của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc có thể làm cho tài sản doanh nghiệp, hợp tác xã bị tâu tán, không tối đa hóa giá trị tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Đây là các trường hợp đặc thù giao dịch vô hiệu theo quy định của Luật Phá sản mà không phải theo quy định của Bộ luật Dân sự.

22. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 58)

Chính phủ đề nghị bổ sung quy định tại Điều 62 dự thảo Luật về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với trường hợp cưỡng chế thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản để tránh việc làm mất mát, tâu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu theo hướng bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời “Buộc giao, nhận tài sản” tại khoản 8 Điều 58 dự thảo Luật.

23. Về xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc (Điều 59)

Chính phủ đề nghị hoàn thiện quy định tại khoản 3 Điều 63 dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định để xử lý trong trường hợp Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án, nhưng sau đó Tòa án ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 68 thì “cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định đình chỉ thi hành án và ra quyết định tiếp tục thi hành án”.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 1 Điều 59 dự thảo Luật.

24. Về giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc (Điều 60)

Chính phủ đề nghị quy định rõ tại Luật này hoặc Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết vụ việc do Tòa án, Trọng tài ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ việc chuyển đến để có cơ sở thực hiện.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến tại khoản 2 Điều 60 dự thảo Luật theo hướng Tòa án đang giải quyết phá sản có thẩm quyền giải quyết.

25. Về quyết định tuyên bố phá sản (Điều 65)

Chính phủ đề nghị chỉnh lý điểm h khoản 2 Điều 69 dự thảo Luật như sau: “*Thanh lý tài sản và bán tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã*”.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

26. Về đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Điều 67)

Chính phủ đề nghị chỉnh lý khoản 3 Điều 71 dự thảo Luật về xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản như sau: “3. *Tổ Thẩm phán Tòa án nhân dân phúc thẩm xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản khi nhận được kiến nghị của cơ quan thi hành án trong quá trình tổ chức thi hành án mà phát hiện nội dung của quyết định tuyên bố phá sản có bất cập, sai sót hoặc có tình tiết mới*”.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng việc quy định thời hạn đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp hợp tác xã của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm đảm bảo tính ổn định của quyết định tuyên bố phá sản và việc thi hành được nhanh chóng, kịp thời.

27. Về phá sản tổ chức tín dụng

- Chính phủ đề nghị quy định thủ tục phá sản tổ chức tín dụng thành 01 Chương riêng tại dự thảo Luật như quy định tại Luật Phá sản năm 2014.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng dự thảo Luật quy định thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm được áp dụng theo thủ tục rút gọn, do vậy, thủ tục phá sản tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm được quy định trong Chương IV về thủ tục phục hồi, phá sản rút gọn là phù hợp.

- Chính phủ đề nghị loại trừ việc áp dụng Chương II dự thảo Luật đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng Chương II dự thảo Luật quy định về thủ tục phục hồi. Việc can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng (trong đó bao gồm việc thực hiện phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt) đã được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. Dự thảo Luật chỉ quy định thủ tục phá sản rút gọn đối với tổ chức tín dụng tại Mục 2 Chương IV dự thảo Luật. Do đó, không áp dụng Chương II đối với thủ tục phá sản tổ chức tín dụng.

- Chính phủ đề nghị bổ sung người có trách nhiệm nộp đơn yêu cầu phá sản đối với trường hợp tổ chức tín dụng phá sản là Ngân hàng Nhà nước.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, việc phá sản tín dụng không áp dụng Chương III của dự thảo Luật, người có trách nhiệm nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản tổ chức tín dụng được xác định theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Chính phủ đề nghị chỉnh lý khoản 1 Điều 74 dự thảo Luật như sau: “...*những nội dung không được quy định tại mục này thì áp dụng theo quy định tương ứng của Luật này, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, trừ quy định tại Mục 3 Chương III của Luật này*”.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại đoạn 2 khoản 1 Điều 70 dự thảo Luật.

- Chính phủ đề nghị chỉnh lý điểm d khoản 2 Điều 74 dự thảo Luật thành: *“Trường hợp phá sản tổ chức tín dụng”*.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng việc quy định cụ thể tổ chức tín dụng được áp dụng thủ tục phá sản rút gọn quy định tại khoản 2 Điều 70 dự thảo Luật nhằm tránh trường hợp các chủ thể có quyền nộp đơn tùy tiện trước khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng, chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán.

- Chính phủ đề nghị đoạn cuối khoản 1 Điều 75 dự thảo Luật chỉnh lý như sau: *“Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua khi có số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho từ 51% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên tham gia biểu quyết tán thành, trừ trường hợp phá sản tổ chức tín dụng”*.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy khoản 2 Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng, Tòa án áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về phá sản”*. Do đó, khoản 1 Điều 71 dự thảo Luật không áp dụng đối với thủ tục phá sản tổ chức tín dụng.

- Chính phủ đề nghị bổ sung nội dung sau: *“Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán”*.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, dự thảo Luật đã quy định nội dung này tại điểm d khoản 2 Điều 70 dự thảo Luật.

- Chính phủ đề nghị chỉnh lý khoản 2 Điều 76 dự thảo Luật như sau: *“Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng mà bị tuyên bố phá sản thì phải hoàn trả khoản vay đặc biệt trước khi thanh toán các khoản nợ khác và thực hiện việc phân chia tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này”* vì khoản vay đặc biệt cần được ưu tiên trả trước các khoản vay khác.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 2 Điều 72 dự thảo Luật.

28. Về yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hỗ trợ vụ việc phá sản (Điều 73)

- Chính phủ đề nghị bổ sung quy định cho phép hợp tác trực tiếp giữa các Tòa án Việt Nam và nước ngoài, đại diện vụ việc phục hồi, phá sản của Việt Nam với Tòa án nước ngoài và đại diện vụ việc phục hồi, phá sản nước ngoài với Tòa án Việt Nam.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

- Chính phủ đề nghị rà soát nội dung tại khoản 2 để đảm bảo tính khả thi.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 2 Điều 73 dự thảo Luật.

29. Về hỗ trợ vụ việc phục hồi, phá sản của nước ngoài (Điều 74)

- Chính phủ đề nghị làm rõ chủ thể “*Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản*” tại điểm d khoản 3 Điều 78 dự thảo Luật là của Việt Nam hay của nước ngoài.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao giải trình như sau: Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 dự thảo Luật là của Việt Nam.

- Chính phủ đề nghị quy định rõ loại giấy tờ kèm theo và giấy tờ cần thiết quy định tại khoản 2 Điều 78 dự thảo Luật để chứng minh tính chất hợp pháp của yêu cầu hỗ trợ để đảm bảo sự thống nhất trong việc thực thi pháp luật và tránh làm chậm trễ quá trình hỗ trợ Tòa án nước ngoài.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

- Chính phủ đề nghị rà soát, thống nhất nguyên tắc áp dụng pháp luật tương trợ tư pháp, các điều ước quốc tế có liên quan trong yêu cầu Tòa án nước ngoài hỗ trợ giải quyết vụ việc phá sản và hỗ trợ giải quyết vụ việc phá sản của nước ngoài. Dự thảo Luật chưa quy định về yêu cầu phía nước ngoài công nhận và cho thi hành bản án của phía Việt Nam.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 73, khoản 5 Điều 74 dự thảo Luật.

30. Về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Điều 75)

- Chính phủ đề nghị làm rõ phạm vi “*bản án, quyết định về phục hồi, phá sản*” tại Điều 79 dự thảo Luật để phân định phạm vi áp dụng của Luật này và Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

- Chính phủ đề nghị giải trình làm rõ điểm đặc thù, lý do quy định về điều kiện công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của nước ngoài là phải đáp ứng cả hai điều kiện (1) người phải thi hành có nơi cư trú/trụ sở và (2) có tài sản liên quan tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu tại khoản 1 Điều 79 dự thảo Luật¹.

¹ Trong khi điểm d khoản 2 Điều 39 BLTTDS quy định về thẩm quyền của Tòa án trong việc công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài như sau: Tòa án nơi người phải thi hành bản án, quyết định dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Tòa án nước ngoài cư trú, làm việc, nếu người phải thi hành án là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành án có trụ sở, nếu người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự, hôn nhân và

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng: khác với bản án, quyết định về dân sự là quyết định về quyền nhân thân và tài sản của đương sự, dự thảo Luật quy định việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định phục hồi, phá sản của nước ngoài phải đáp ứng cả 2 điều kiện là do đặc thù của vụ việc phá sản, phục hồi là thủ tục quyết định về tài sản của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân. Do vậy, Tòa án Việt Nam chỉ công nhận bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của nước ngoài khi người phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam và có tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định tại Việt Nam.

- Chính phủ đề nghị làm rõ điểm c khoản 2 Điều 79 dự thảo Luật hoặc bỏ nội dung “*quy định của pháp luật Việt Nam*” tại điều khoản này, vì việc dẫn chiếu đến pháp luật Việt Nam có thể dẫn đến cách hiểu quá rộng, ngoài quy định tại điều khoản này, bản án quyết định còn phải đáp ứng các điều kiện khác quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật khác của Việt Nam.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng điểm c khoản 3 Điều 75 dự thảo Luật điều khoản dự phòng, nếu trong trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam quy định một trường hợp không được công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì Tòa án Việt Nam sẽ không công nhận và cho thi hành bản án, quyết định đó.

- Chính phủ đề nghị nghiên cứu bổ sung thủ tục để công nhận thủ tục phá sản nước ngoài; quy định thủ tục riêng về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để đáp ứng tính chất khẩn cấp của thủ tục phục hồi, phá sản.

Về đề nghị bổ sung thủ tục để công nhận thủ tục phá sản nước ngoài, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, đây là những vấn đề cần thiết và mới nên dự thảo Luật chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc, về trình tự, thủ tục công nhận cụ thể, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng văn bản hướng dẫn.

Về đề nghị bổ sung quy định thủ tục riêng biệt về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của nước ngoài phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo sự thống nhất pháp luật.

- Chính phủ đề nghị rà soát, bổ sung từ “phục hồi” vào các điều khoản tại Chương V để bao quát nội dung về thủ tục phục hồi, đảm bảo tương đồng với thủ tục không có yếu tố nước ngoài.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Tòa án nước ngoài. Như vậy, theo BLTTDS sẽ có trường hợp chỉ cần đáp ứng một trong hai tiêu chí đủ để xác định thẩm quyền là tòa án có thể thụ lý yêu cầu công nhận và cho thi hành.

31. Về xử lý trường hợp phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Điều 81)

Chính phủ đề nghị quy định điểm b khoản 1 Điều 84 dự thảo Luật như sau: “*Trường hợp chưa thi hành xong phương án phân chia tài sản thì Tòa án quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản*”.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, theo thông lệ quốc tế thì pháp luật các nước không quy định việc sửa đổi, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản vì quyết định tuyên bố phá sản là tuyên bố chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp. Trường hợp phương án phân chia tài sản trong quyết định tuyên bố phá sản có vướng mắc về thi hành hoặc có thay đổi về phương án phân chia thì Tòa án ra thông báo điều chỉnh phương án phân chia.

32. Về kết thúc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Điều 82)

Chính phủ đề nghị không quy định tại Luật Phá sản việc cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định kết thúc thi hành án, việc kết thúc thi hành án sẽ được điều chỉnh bởi quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng, do tính chất đặc thù của vụ việc phá sản, dự thảo Luật quy định cơ quan thi hành án ra quyết định kết thúc việc thi hành án nhằm đảm bảo tính minh bạch để Tòa án, người tham gia thủ tục phá sản nắm bắt được tiến độ thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

33. Về cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản (Điều 84)

Chính phủ đề nghị cần nhắc làm rõ nội dung: “*Không có trách nhiệm trong việc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán*” để đảm bảo phù hợp quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy quy định tại điểm b khoản 4 Điều 84 dự thảo Luật nhằm khắc phục vướng mắc trong thực tiễn đối với trường hợp người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước được yêu cầu điều chuyển theo quyết định của Chính phủ để thực hiện quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Những chủ thể này không có trách nhiệm trong việc làm doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Do đó, việc cấm đảm nhiệm chức vụ đối với chủ thể này là không phù hợp.

34. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong vụ việc phục hồi, phá sản (Điều 85)

Chính phủ đề nghị bổ sung 01 khoản riêng quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Theo đó, việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản liên quan đến hành vi, quyết định của Chấp hành

viên, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự được thực hiện theo pháp luật về thi hành án dân sự và việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản liên quan đến hành vi, quyết định của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và các quy định của pháp luật về phá sản.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý tại khoản 2 Điều 85 dự thảo Luật.

35. Vấn đề khác

- Chính phủ đề nghị nghiên cứu tiếp thu cơ chế của Luật Mẫu UNCITRAL về phá sản xuyên biên giới để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

- Chính phủ đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ về nội dung của dự thảo Luật Phá sản với dự thảo Luật Thi hành án dân sự; góp phần khắc phục khó khăn, vướng mắc trong thời gian qua.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến góp ý.

- Chính phủ đề nghị nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù đảm bảo an ninh, an toàn xã hội khi thành lập, phá sản các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực Nhà nước phải kiểm soát như ngân hàng, đầu tư kinh doanh mạo hiểm.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng nội dung góp ý không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật.

II. Về dự thảo Tờ trình

Chính phủ đề nghị cung cấp thông tin, làm rõ các chính sách đã được thông qua tại Tờ trình dự án Luật.

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao tiếp thu tại Tờ trình dự án Luật.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Chính phủ đối với Hồ sơ dự án Luật Phá sản (sửa đổi). Tòa án nhân dân tối cao kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH.

CHÁNH ÁN

Lê Minh Trí

